



# Email với Python



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Trong phần này, chúng ta sẽ khám phá cách gửi email bằng Python và cách kiểm tra hộp thư đến của chúng tôi để biết các tin nhắn đã nhận.
- Xin lưu ý rằng quá trình này phụ thuộc nhiều vào đặc quyền của quản trị viên trên cả máy tính cục bộ, Internet và email của bạn.



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Rất có thể là trên một công ty mạng, máy tính cơ quan hoặc email cơ quan, những phương thức này sẽ bị chặn vì lý do bảo mật lý do.
- Nếu bạn gặp phải sự cố do việc này, vui lòng liên hệ với bộ phận CNTT của bạn vì đây không phải là sự cố mà chúng tôi có thể khắc phục được.



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Cuối cùng, không có bài tập đầy đủ cho những vấn đề này chủ đề bài giảng, vì không có cách nào thực sự để chúng tôi có thể tạo ra các bản tự đánh giá thực sự cho địa chỉ email cá nhân.
- Tuy nhiên, chúng tôi cung cấp một cuốn sổ tay với một số ý tưởng để bạn khám phá, chúng tôi khuyến khích bạn thỏa sức sáng tạo!



Hoàn thành chương trình đào tạo Python

Bắt đầu nào!



# Gửi e-mail



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Để gửi email bằng Python, chúng ta cần thực hiện thủ công các bước kết nối với máy chủ email, xác nhận kết nối, thiết lập giao thức, đăng nhập và gửi tin nhắn.



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Thật may là thư viện `smtplib` tích hợp sẵn trong Python thực hiện các bước này bằng cách gọi hàm đơn giản.





## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Mỗi nhà cung cấp email lớn đều có SMTP (Giao thức truyền thư đơn giản) riêng Máy chủ.

Provider	SMTP server domain name
Gmail (will need App Password)	smtp.gmail.com
Yahoo Mail	smtp.mail.yahoo.com
Outlook.com/Hotmail.com	smtp-mail.outlook.com
AT&T	smtp.mail.att.net (Use port 465)
Verizon	smtp.verizon.net (Use port 465)
Comcast	smtp.comcast.net



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Chúng tôi sẽ thực hiện quy trình này với tài khoản Gmail.
- Đối với người dùng gmail, bạn sẽ cần tạo mật khẩu ứng dụng thay vì mật khẩu thông thường.
- Điều này cho Gmail biết rằng tập lệnh Python đang cố truy cập vào tài khoản của bạn đã được bạn cho phép.



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Hãy cùng khám phá toàn bộ quá trình này.



# Nhận email



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Để xem các email đã nhận bằng Python, chúng ta có thể sử dụng thư viện email và imaplib tích hợp sẵn trong Python.
- Thư viện imaplib có cú pháp đặc biệt để tìm kiếm Hộp thư đến của bạn.



# Hoàn thành chương trình đào tạo Python

Keyword	Definition
'ALL'	Returns all messages in your email folder. Often there are size limits from imaplib. To change these use <code>imaplib._MAXLINE = 100</code> , where 100 is whatever you want the limit to be.
'BEFORE date'	Returns all messages before the date. Date must be formatted as 01-Nov-2000.
'ON date'	Returns all messages on the date. Date must be formatted as 01-Nov-2000.
'SINCE date'	Returns all messages after the date. Date must be formatted as 01-Nov-2000.
'FROM some_string '	Returns all from the sender in the string. String can be an email, for example 'FROM user@example.com' or just a string that may appear in the email, "FROM example"
'TO some_string'	Returns all outgoing email to the email in the string. String can be an email, for example 'FROM user@example.com' or just a string that may appear in the email, "FROM example"
'CC some_string' and/or 'BCC some_string'	Returns all messages in your email folder. Often there are size limits from imaplib. To change these use <code>imaplib._MAXLINE = 100</code> , where 100 is whatever you want the limit to be.
'SUBJECT string','BODY string','TEXT "string with spaces"'	Returns all messages with the subject string or the string in the body of the email. If the string you are searching for has spaces in it, wrap it in double quotes.
'SEEN', 'UNSEEN'	Returns all messages that have been seen or unseen. (Also known as read or unread)
'ANSWERED', 'UNANSWERED'	Returns all messages that have been replied to or unreplied to.
'DELETED', 'UNDELETED'	Returns all messages that have been deleted or that have not been deleted.



## Hoàn thành chương trình đào tạo Python

- Trước khi bắt đầu cuộc thảo luận này, hãy gửi cho mình một email kiểm tra với dòng chủ đề duy nhất mà bạn có thể ghi nhớ và tìm kiếm bằng Python.
- Hãy bắt đầu khám phá việc kiểm tra email đã nhận bằng Python.